TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN LÂM** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2018/QĐST – KDTM	*Văn Lâm, ngày 27 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 15/2017/TLST – KDTM ngày 22 tháng 5 năm 2017, về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VN.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mai H – Giám đốc chi nhánh B, Ngân hàng TMCP VN.

Văn bản ủy quyền số 8695/QĐ-BIDV, ngày 28/10/2016.

Người được ủy quyền lại: Ông Đỗ Văn S – Giám đốc phòng giao dịch V, chi nhánh B, Ngân hàng TMCP VN.

Văn bản ủy quyền ngày 28/4/2017.

Địa chỉ: Tháp B, đường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Ngô Thị L, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.
Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1934.
Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1929.
Đều có địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.
Ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1958.
Bà Đinh Thị Trà M, sinh năm 1975.
Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1970.
Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1972.
Đều có địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.
Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên.
Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1981.
Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1986.
Chị Đỗ Thị Quỳnh A, sinh năm 1995.
Đều có địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số nợ:

Ông Nguyễn Hữu K và bà Ngô Thị L trả nợ cho Ngân hàng TMCP VN (sau đây viết tắt là Ngân hàng) số tiền gốc là 1.657.700.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng) và số tiền lãi tính đến ngày 15/01/2018 là 696.820.133 đồng (Sáu trăm chín mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi nghìn, một trăm ba mươi ba đồng).

Tổng số tiền gốc và lãi là 2.354.520.133 đồng (Hai tỷ, ba trăm năm mươi tư triệu, năm trăm hai mươi nghìn, một trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày 16/01/2018 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kế hoạch trả nợ: Về trả nợ gốc:

Ngày 30/6/2018 trả số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Ngày 31/12/2018 trả số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Khi ông K bà L trả được số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) thì Ngân hàng sẽ giải chấp tài sản của gia đình ông Đỗ Văn T đã thế chấp.

Quý 1 năm 2019 trả số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Quý 2 năm 2019 trả số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Quý 3 năm 2019 trả số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Quý 4 năm 2019 trả số tiền là 57.700.000 đồng (Năm mươi bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Ghi nhận: Nếu ông K bà L trả nợ gốc theo đúng kế hoạch trên, thì Ngân hàng sẽ miễn lãi và lãi phát sinh cho ông K bà L.

Về trả nợ lãi: Nếu ông K bà L không trả nợ gốc theo đúng kế hoạch trên thì ông K bà L phải trả nợ lãi, lãi phát sinh. Thời điểm trả nợ lãi, lãi phát sinh ngay sau khi thanh toán hết nợ gốc.

Nếu ông K bà L không trả nợ theo đúng kế hoạch nêu trên thì Ngân hàng có quyền tự mình hoặc đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật toàn bộ tài sản thế chấp mà các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp ngày 09/5/2011, hợp đồng thế chấp số 01/2011/HĐ ngày 22/3/2011 để thu hồi toàn bộ khoản nợ gốc và lãi.

Các tài sản thế chấp gồm có:

Quyền sử dụng 268 m^2 đất, tại thửa 252 tờ bản đồ số 16, địa chỉ thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 436760 ngày 26/9/2007 ghi tên ông Nguyễn Hữu Đ bà Hoàng Thị T; Theo hợp đồng thế chấp số 01/2011/HĐ ngày 22/3/2011. Khi xử lý tài sản thế chấp phần giá trị quyền sử dụng đất sẽ được trả cho Ngân hàng; phần giá trị tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất sẽ trả lại cho ông Nguyễn Hữu S bà Đinh Thị Trà M; ông Nguyễn Hữu N bà Nguyễn Thị O.

Quyền sử dụng 637 m^2 đất, tại thửa số 74, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 434216 ngày 13/10/2008 ghi tên ông Đỗ Văn T bà Nguyễn Thị L (bà L đã chết); Theo hợp đồng thế chấp ngày 09/5/2011. Khi xử lý tài sản thế chấp phần giá trị quyền sử dụng đất sẽ được trả cho Ngân hàng; phần giá trị tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất sẽ trả lại cho gia đình ông Đỗ Văn T.

Về án phí: Ông Nguyễn Hữu K và bà Ngô Thị L phải chịu 19.772.600 đồng (Mười chín triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn, sáu trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP VN phải chịu 19.772.600 đồng (Mười chín triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn, sáu trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Đối trừ với 38.300.000 đồng (Ba mươi tám triệu, ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 014691, ngày 22/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, trả lại Ngân hàng TMCP VN 18.527.400 đồng (Mười tám triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn, bốn trăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Đỗ Văn Mười